TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN S - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 168/2024/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 23 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 156/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu:*

- Ông Trương Quang S; sinh năm: 1981. Nơi cư trú: tổ 24 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng;
- Bà Nguyễn Vân A, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: tổ 16 phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2024, người yêu cầu là ông Trương Quang S và bà Nguyễn Vân A đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Trương Quang S và bà Nguyễn Vân A tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện K, tỉnh ĐăkLăk (Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01/2009, ngày 30/01/2009). Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống nên ông Trương Quang S tự ý bỏ nhà đi nhiều năm liền, không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng không sống chung nhiều năm nay, tình cảm phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông Trương Quang S đã quay về nhưng cả hai ông bà đều không còn tình cảm với nhau nữa nên đã nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau. Vì vậy ông bà yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: ông Trương Quang S và bà Nguyễn Vân A xác định vợ chồng có 01 con chung tên Trương Quang K, sinh ngày 20.6.2011. Ly hôn, ông bà thống nhất giao con cho bà Nguyễn Vân A nuôi dưỡng, ông Trương Quang S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con Trương Quang K đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 20/8/2024.

[3] Về tài sản chung: ông Trương Quang S và bà Nguyễn Vân A đều xác định vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: ông Trương Quang S và bà Nguyễn Vân A xác định vợ chồng không có nợ chung.

[5] Lệ phí việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng; bà Nguyễn Vân A và ông Trương Quang S mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002713 ngày 08/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: ông Trương Quang S và bà Nguyễn Vân A thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01/2009, do UBND xã P, huyện KrôngBuk, tỉnh ĐăkLăk cấp ngày 30/01/2009 không còn giá trị pháp lý).

* Về con chung: ông Trương Quang S và bà Nguyễn Vân A xác định vợ chồng có 01 con chung tên Trương Quang K, sinh ngày 20.6.2011. Ly hôn, ông bà thống nhất giao con cho bà Nguyễn Vân A nuôi dưỡng, ông Trương Quang S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con Trương Quang K đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 20/8/2024.

Các bên có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm. Khi cần thiết vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

* Về tài sản chung: ông Trương Quang S và bà Nguyễn Vân A đều xác định vợ chồng không có tài sản chung.

* Về nợ chung: ông Trương Quang S và bà Nguyễn Vân A xác định vợ chồng không có nợ chung.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình: 300.000 đồng; bà Nguyễn Vân A và ông Trương Quang S mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002713 ngày 08/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND quận S;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND xã P, huyện K, tỉnh ĐăkLăk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Phước Hòa